

Số: 021944 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 20104.26



Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC BIWASE BÌNH PHƯỚC
Địa chỉ : TỔ 1, KHU PHỐ MỸ HƯNG, PHƯỜNG CHƠN THÀNH, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu : Khu Công Nghiệp Minh Hưng 3- Đường D6, Phường Minh Hưng, Thành Phố Đồng Nai, Việt Nam
Tên mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới
Người lấy mẫu : Trần Thanh Tài - Viện Y tế công cộng TP.HCM
Ngày lấy mẫu : 27/05/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 5 lít
Ngày nhận mẫu : 27/05/2026
Người gửi mẫu : Trần Duy Đăng
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy
Thời gian thử nghiệm: 27/05/2026-04/06/2026



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,01$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
2	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 2,4$	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/l
3	Crom tổng (Cr)	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	$\leq 0,05$	Không phát hiện LOD = 0,010	mg/l
4	Nitrate (tính theo N)	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	≤ 11	0,34	mg/l
5	Selen (Se)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,04$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
6	1,1,1-Tricloroetan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 2000	Không phát hiện LOD = 0,30	$\mu\text{g/l}$
7	1,2-Dicloroetan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 30	Không phát hiện LOD = 0,40	$\mu\text{g/l}$

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
8	1,2-Dicloroeten	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 50	Không phát hiện LOD = 0,40	$\mu\text{g/l}$
9	Cacbon tetracloerua CCl_4	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 2	Không phát hiện LOD = 0,20	$\mu\text{g/l}$
10	Diclorometan CH_2Cl_2	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 20	Không phát hiện LOD = 0,30	$\mu\text{g/l}$
11	Tetracloeroten	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 40	Không phát hiện LOD = 0,20	$\mu\text{g/l}$
12	Trichloroeten	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 8	Không phát hiện LOD = 0,20	$\mu\text{g/l}$
13	Vinyl clorua	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	$\leq 0,3$	Không phát hiện LOD = 0,05	$\mu\text{g/l}$
14	Benzen	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 10	Không phát hiện LOD = 1	$\mu\text{g/l}$
15	Ethylbenzen	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 1,5	$\mu\text{g/l}$
16	Styren	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 20	Không phát hiện LOD = 3	$\mu\text{g/l}$
17	Toluen	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 700	Không phát hiện LOD = 3	$\mu\text{g/l}$
18	Xylen	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 500	Không phát hiện LOD = 3	$\mu\text{g/l}$
19	Monoclorobenzen	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 3	$\mu\text{g/l}$
20	Acrylamide	HD.PP.111/TT.SK:2022 (a)	$\leq 0,5$	Không phát hiện LOD = 0,15	$\mu\text{g/l}$
21	Epichlorhydrin	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	$\leq 0,4$	Không phát hiện LOD = 0,06	$\mu\text{g/l}$
22	1,2-Dibromo-3-chloropropane	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 1	Không phát hiện LOD = 0,10	$\mu\text{g/l}$
23	1,2-Dichloropropane	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 40	Không phát hiện LOD = 0,40	$\mu\text{g/l}$

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
24	1,3-Dichloropropene	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 20	Không phát hiện LOD = 0,40	$\mu\text{g/l}$
25	2,4-D	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 30	Không phát hiện LOD = 2,0	$\mu\text{g/l}$
26	2,4-DB	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 90	Không phát hiện LOD = 7,0	$\mu\text{g/l}$
27	Aldicarb	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	≤ 10	Không phát hiện LOD = 1	$\mu\text{g/l}$
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	EPA Method 536: 2007 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,40	$\mu\text{g/l}$
29	Carbofuran	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	≤ 5	Không phát hiện LOD = 1	$\mu\text{g/l}$
30	Chlorpyrifos	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	≤ 30	Không phát hiện LOD = 0,01	$\mu\text{g/l}$
31	Clorotoluron	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	≤ 30	Không phát hiện LOD = 1,50	$\mu\text{g/l}$
32	Cyanazine	EPA Method 536: 2007 (a)	$\leq 0,6$	Không phát hiện LOD = 0,10	$\mu\text{g/l}$
33	Dichlorprop	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 7,0	$\mu\text{g/l}$
34	Fenoprop	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 9	Không phát hiện LOD = 0,70	$\mu\text{g/l}$
35	Hydroxyatrazine	EPA Method 536: 2007 (a)	≤ 200	Không phát hiện LOD = 0,30	$\mu\text{g/l}$
36	Isoproturon	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	≤ 9	Không phát hiện LOD = 1,50	$\mu\text{g/l}$
37	MCPA	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 2	Không phát hiện LOD = 0,20	$\mu\text{g/l}$
38	Mecoprop	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 10	Không phát hiện LOD = 0,70	$\mu\text{g/l}$
39	Pendimetalin	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	≤ 20	Không phát hiện LOD = 0,01	$\mu\text{g/l}$
40	Propanil	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	≤ 20	Không phát hiện LOD = 1,50	$\mu\text{g/l}$
41	Bromat	Method 300.1 EPA: 1999 (a)	≤ 10	Không phát hiện LOD = 3,0	$\mu\text{g/l}$
42	Formaldehyde	EPA Method 8315A: 1996 (a)	≤ 500	Không phát hiện LOD = 30	$\mu\text{g/l}$
43	Monocloramin	SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a)	≤ 3000	Không phát hiện LOD = 50	$\mu\text{g/l}$

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
44	Dibromoaxetonitril	EPA 551.1:1995 (a)	≤ 70	Không phát hiện LOD = 0,10	$\mu\text{g/l}$
45	Diđloroaxetonitril	EPA 551.1:1995 (a)	≤ 20	1,08	$\mu\text{g/l}$
46	Tricloroaxetonitril	EPA 551.1:1995 (a)	≤ 1	Không phát hiện LOD = 0,01	$\mu\text{g/l}$
47	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
48	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	Không phát hiện LOD = 0,050	Bq/l

Ghi chú:

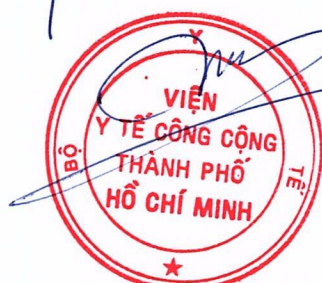
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine gồm: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu Nước sinh hoạt giữa mạng lưới có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05-06-2026**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 20104.26



Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC BIWASE BÌNH PHƯỚC
Địa chỉ/ Address : TỔ 1, KHU PHỐ MỸ HƯNG, PHƯỜNG CHƠN THÀNH, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Địa điểm lấy mẫu/ Sample location : Khu Công Nghiệp Minh Hưng 3- Đường D6, Phường Minh Hưng, Thành Phố Đồng Nai, Việt Nam
Tên mẫu/ Sample : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới
Người lấy mẫu / Sample collector : Trần Thanh Tài - Viện Y tế công cộng TP.HCM
Tai Tran Thanh - Institute of public health Ho Chi Minh City
Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting : 27/05/2026/ May 27th, 2026
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 bình x 5 lít/ 01 bottle x 5 liters
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving : 27/05/2026/ May 27th, 2026
Người gửi mẫu/ Sample sender : Trần Duy Đăng/ Dang Tran Duy
Người nhận mẫu/ Sample receiver : Trần Thị Thúy/ Thuy Tran Thi
Thời gian thử nghiệm/ Time duration : 27/05/2026 - 04/06/2026/ May 27th, 2026 - June 04th, 2026

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Tiêu chuẩn Standard	Kết quả Result	Đơn vị Unit
1	Arsen (As) tổng Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0.01	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003	mg/l
2	Boron (bao gồm Borat và Axit boric) Boron (Borate & Boric Acid)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 2.4	Không phát hiện Not detected LOD = 0.02	mg/l
3	Crom tổng (Cr) Total Chromium (Cr)	SMEWW 3120 B - 2023 (a)	≤ 0.05	Không phát hiện Not detected LOD = 0.010	mg/l
4	Nitrate (tính theo N) Nitrate as (N)	Method 300.1, EPA: 1999 (a)	≤ 11	0.34	mg/l
5	Selen (Se) Selenium (Se)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0.04	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003	mg/l
6	1,1,1-Tricloroetan 1,1,1-Trichloroethane	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 2000	Không phát hiện Not detected LOD = 0.30	µg/l

Stt N ^o	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Tiêu chuẩn Standard	Kết quả Result	Đơn vị Unit
7	1,2-Dicloroetan <i>1,2-Dichloroethane</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 30	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.40	$\mu\text{g/l}$
8	1,2-Dicloroeten <i>1,2-dichloroethene</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 50	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.40	$\mu\text{g/l}$
9	Cacbon tetraclorua CCl_4 <i>Carbon tetrachloride CCl₄</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 2	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.20	$\mu\text{g/l}$
10	Diclorometan CH_2Cl_2 <i>Dichloromethane CH₂Cl₂</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 20	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.30	$\mu\text{g/l}$
11	Tetracloroeten <i>Tetrachloroethene</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 40	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.20	$\mu\text{g/l}$
12	Trichloroeten <i>Trichloroethene</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 8	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.20	$\mu\text{g/l}$
13	Vinyl clorua <i>Vinyl chloride</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 0.3	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.05	$\mu\text{g/l}$
14	Benzen <i>Benzene</i>	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 10	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 1	$\mu\text{g/l}$
15	Ethylbenzen <i>Ethylbenzene</i>	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 300	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 1.5	$\mu\text{g/l}$
16	Styren <i>Styrene</i>	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 20	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 3	$\mu\text{g/l}$
17	Toluen <i>Toluene</i>	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 700	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 3	$\mu\text{g/l}$
18	Xylen <i>Xylene</i>	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 500	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 3	$\mu\text{g/l}$
19	Monoclorobenzen <i>Monochlorobenzene</i>	EPA Method 5021A:2014 (a)	≤ 300	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 3	$\mu\text{g/l}$
20	Acrylamide <i>Acrylamide</i>	HD.PP.111/TT.SK:2022 (a)	≤ 0.5	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.15	$\mu\text{g/l}$
21	Epichlorhydrin <i>Epichlorohydrin</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 0.4	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.06	$\mu\text{g/l}$
22	1,2-Dibromo-3-chloropropane <i>1,2-Dibromo-3-chloropropane</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 1	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.10	$\mu\text{g/l}$
23	1,2-Dichloropropane <i>1,2-Dichloropropane</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 40	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.40	$\mu\text{g/l}$
24	1,3-Dichloropropene <i>1,3-Dichloropropene</i>	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 20	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.40	$\mu\text{g/l}$

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Tiêu chuẩn Standard	Kết quả Result	Đơn vị Unit
25	2,4-D 2,4-D	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 30	Không phát hiện Not detected LOD = 2.0	$\mu\text{g/l}$
26	2,4-DB 2,4-DB	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 90	Không phát hiện Not detected LOD = 7.0	$\mu\text{g/l}$
27	Aldicarb Aldicarb	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	≤ 10	Không phát hiện Not detected LOD = 1	$\mu\text{g/l}$
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives	EPA Method 536: 2007 (a)	≤ 100	Không phát hiện Not detected LOD = 0.40	$\mu\text{g/l}$
29	Carbofuran Carbofuran	HD.PP.32/TT.SK:2021 (a)	≤ 5	Không phát hiện Not detected LOD = 1	$\mu\text{g/l}$
30	Chlorpyrifos Chlorpyrifos	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	≤ 30	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01	$\mu\text{g/l}$
31	Clorotoluron Chlorotoluron	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	≤ 30	Không phát hiện Not detected LOD = 1.50	$\mu\text{g/l}$
32	Cyanazine Cyanazine	EPA Method 536: 2007 (a)	≤ 0.6	Không phát hiện Not detected LOD = 0.10	$\mu\text{g/l}$
33	Dichlorprop Dichlorprop	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 100	Không phát hiện Not detected LOD = 7.0	$\mu\text{g/l}$
34	Fenoprop Fenoprop	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 9	Không phát hiện Not detected LOD = 0.20	$\mu\text{g/l}$
35	Hydroxyatrazine Hydroxyatrazine	EPA Method 536: 2007 (a)	≤ 200	Không phát hiện Not detected LOD = 0.30	$\mu\text{g/l}$
36	Isoproturon Isoproturon	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	≤ 9	Không phát hiện Not detected LOD = 1.50	$\mu\text{g/l}$
37	MCPA MCPA	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 2	Không phát hiện Not detected LOD = 0.20	$\mu\text{g/l}$
38	Mecoprop Mecoprop	HD.PP.137/KXN.LH:2023 (a)	≤ 10	Không phát hiện Not detected LOD = 0.70	$\mu\text{g/l}$
39	Pendimetalin Pendimethalin	SMEWW 6630 - B: 2023 (a)	≤ 20	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01	$\mu\text{g/l}$
40	Propanil Propanil	HD.PP.68/KXN.LH:2021 (a)	≤ 20	Không phát hiện Not detected LOD = 1.50	$\mu\text{g/l}$
41	Bromat Bromate	Method 300.1 EPA: 1999 (a)	≤ 10	Không phát hiện Not detected LOD = 3.0	$\mu\text{g/l}$
42	Formaldehyde Formaldehyde	EPA Method 8315A: 1996 (a)	≤ 500	Không phát hiện Not detected LOD = 30	$\mu\text{g/l}$

Stt N ^o	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Tiêu chuẩn Standard	Kết quả Result	Đơn vị Unit
43	Monocloramin <i>Monochloramine</i>	SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a)	≤ 3000	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 50	$\mu\text{g/l}$
44	Dibromoaxetonitril <i>Dibromoacetoneitrile</i>	EPA 551.1:1995 (a)	≤ 70	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.10	$\mu\text{g/l}$
45	Dicloroaxetonitril <i>Dichloroacetoneitrile</i>	EPA 551.1:1995 (a)	≤ 20	1.08	$\mu\text{g/l}$
46	Tricloroaxetonitril <i>Trichloroacetoneitrile</i>	EPA 551.1:1995 (a)	≤ 1	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.01	$\mu\text{g/l}$
47	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha) <i>Radioactivity alpha</i>	ISO 10704:2019 (a)	≤ 0.1	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.025	Bq/l
48	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta) <i>Radioactivity beta</i>	ISO 10704:2019 (a)	≤ 1.0	Không phát hiện <i>Not detected</i> LOD = 0.050	Bq/l

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for this sample.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.

- Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine gồm: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.
Atrazine and chloro-s-triazine derivatives include: Atrazine; Atrazine-desethyl-desisopropyl; Atrazine-desethyl; Atrazine-desisopropyl; Propazine.

- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Limit of detection.

Nhận xét/ Conclusion:

Mẫu Nước sinh hoạt giữa mạng lưới có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

This sample had parameters which met requirements of the National technical regulation on Domestic Water Quality QCVN 01-1:2024/BYT, Ministry of Health.

Ho Chi Minh City, **05 -06- 2026**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh